

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA VIỄN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hoàng Giáp*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Công Hiến.*

*2. Ông Nguyễn Văn Tăng.*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa: Bà Vũ Như Trang – Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: chị Cao Thị H, sinh năm 1983.*

*Nơi cư trú: xóm 2, xã GTh, huyện GV, tỉnh NB.*

*- Bị đơn: anh Trần Hữu T, sinh năm 1978.*

*Nơi cư trú: xóm 2, xã GTh, huyện GV, tỉnh NB.*

*Chị H có mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2021, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày: Chị và anh Trần Hữu T, sinh năm 1978 được tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005; đến ngày 27/9/2013 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã GTh, huyện GV, tỉnh NB. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T là người sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, thường xuyên chơi bời rượu chè, rồi về đánh đập chị H. Vì các con nên chị H đã nhẫn nhịn khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đời sống tình cảm của vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hòa giải hàn gắn được nên chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ để ở xóm 3, xã GTh, huyện GV, tỉnh NB để sinh sống từ tháng 7/2019 cho đến nay, từ thời điểm đó chị và anh T ly thân hoàn toàn. Hiện nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải hàn gắn được nên chị làm đơn đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hữu T.

Về con chung: Chị Cao Thị H và anh Trần Hữu T có hai con chung là cháu Trần Thị Như H2, sinh ngày 09/6/2005 và cháu Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 13/01/2008. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H xác định hai vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T đã không đến Tòa án làm việc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2022, anh T công nhận quá trình tìm hiểu, kết hôn đúng như chị H đã trình bày nêu trên. Anh T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn khúc mắc do bất đồng quan điểm sống và cách sống. Hai vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng vẫn không hòa giải hàn gắn được. Theo anh T vợ chồng anh đã sống ly thân nhau hoàn toàn không ai quan tâm đến ai từ khoảng tháng 8/2021 cho đến nay, chị H đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ chị H tại xóm 3, xã GTh, huyện GV, tỉnh NB để sinh sống. Hiện nay anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn chị H làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh không đuổi đánh hắt hủi vợ con.

Về con chung: Anh Trần Hữu T xác nhận anh và chị H có hai con chung là cháu Trần Thị Như H2, sinh ngày 09/6/2005 và cháu Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 13/01/2008. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T tùy theo quan điểm của các cháu, các cháu muốn ở với mẹ anh cũng đồng ý, khi ở với mẹ thì mẹ có trách nhiệm với các cháu và anh T không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản số 94/CAX của Công an xã G Th và Biên bản xác minh tại UBND xã G Th đều xác định: chị Cao Thị H và anh Trần Hữu T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, sau đó có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã G Th vào năm 2013 là hoàn toàn đúng. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, trước đây anh T thường xuyên có hành vi đánh đập, chửi bới chị H trong thời gian dài, mặc dù đã được chính quyền địa phương khuyên giải nhưng anh T vẫn không thay đổi. Anh T và chị H có hai con chung như lời anh chị trình bày và hiện nay cả hai cháu đang ở với mẹ.

Tại phiên toà, chị Cao Thị H có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm ý kiến của mình như đã nêu trên. Anh Trần Hữu T vắng mặt lần thứ hai.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn trình bày ý kiến việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

đề nghị: Xử cho chị Cao Thị H được ly hôn anh Trần Hữu T; Về con chung đề nghị giao hai cháu Trần Thị Như H2 và Trần Thị Hồng Nh cho chị Cao Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Anh T không phải đóng góp tiền nuôi con chung, không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; chị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn chị Cao Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn với bị đơn là anh Trần Hữu T có nơi cư trú tại: xã GTh, huyện GV, tỉnh NB. Quá trình tố tụng, vụ việc được chuyển sang thủ tục hòa giải đối thoại tại Tòa án, tuy nhiên việc hòa giải, đối thoại đã chấm dứt theo khoản 3 Điều 40 Luật Hòa giải Đối thoại tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Trần Hữu T. Anh Trần Hữu T vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Anh Trần Hữu T vắng mặt không có lý do lần thứ 2 tại phiên tòa, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị H theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[2]. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Cao Thị H và anh Trần Hữu T được tự nguyện tìm hiểu tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005; đến ngày 27/9/2013 mới đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã GTh, huyện GV, tỉnh NB. Việc kết hôn của chị H, anh T đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị Cao Thị H với anh Trần Hữu T là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, trình bày của nguyên đơn tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và quan điểm của bị đơn trong biên bản lấy lời khai thì quá trình chung sống chị H và anh T hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, anh T lại có những hành vi bạo lực với chị H. Thực tế hiện nay chị H và anh T đều xác định vợ chồng anh chị đã sống ly thân hoàn toàn. Trong biên bản lấy lời khai anh T cũng xác nhận vợ chồng không thể hòa giải hàn gắn được nhưng vì anh vẫn còn tình cảm với vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh T đến

Tòa án để tiến hành hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến Tòa án, chứng tỏ anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Cao Thị H và anh Trần Hữu T đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị H.

**[3]. Về con chung:** chị H, anh T đều xác nhận có hai con chung là cháu Trần Thị Như H2, sinh ngày 09/6/2005 và cháu Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 13/01/2008. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H, muốn được trực tiếp nuôi hai con và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy bản thân chị H và anh T đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ đối với con của mình và anh chị đều là người có đủ điều kiện sức khỏe, có khả năng tạo ra thu nhập và các điều kiện khác để chăm con chung thật tốt. Tuy nhiên, xét thấy hiện nay các cháu đang ở với chị H, lại là con gái đang ở lứa tuổi có nhiều thay đổi về tâm sinh lý nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ; bản thân các cháu H2, Nh có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ. Anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng về vấn đề con chung anh cũng tôn trọng ý kiến của các cháu mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu cần tiếp tục giao cho chị Cao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Thị Như H2 và Trần Thị Hồng Nh là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: chị H là người có đủ khả năng lao động và có thu nhập ổn định nên chị H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con chung được tốt. Mặt khác, chị H cũng không đề nghị anh T phải cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của chị H là hoàn toàn phù hợp, cần được chấp nhận.

**[4] Về tài sản và công nợ chung:** chị H và anh T đều xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5] Về án phí:** Chị Cao Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: xử cho chị Cao Thị H được ly hôn anh Trần Hữu T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Cao Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là cháu Trần Thị Như H2, sinh ngày 09/6/2005 và cháu Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 13/01/2008 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Hữu T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Cao Thị H.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị Cao Thị H và anh Trần Hữu T đều xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Cao Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0004005 ngày 25/11/2021.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

*Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự*: “*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*”.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*Nơi nhận:*

- Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS Gia Viễn;
- UBND xã Gia Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**Lã Hoàng Giáp**